TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGŨ HÀNH SƠN** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18 /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 6 - 2024
V/v:"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lương Thị Anh
- *Các hội thẩm nhân dân*: Ông Trần Văn Sơn
Ông Nguyễn Tuấn Ngọc
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn.TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa*: Bà Trần Thị Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2024 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐST - HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Đào Thị H**, sinh năm: 1983. Địa chỉ: Số nhà B, xóm C, thôn Đ, xã C, Huyện T, TP Hà Nội. Xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1978. Địa chỉ: Tổ H, phường H, quận N, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Ý kiến của Nguyễn đơn trong đơn khởi kiện gửi đến Toà án và quá trình tố tụng tại Tòa án:*

Bà Đạo Thị H2 và ông Nguyễn Văn H1 kết hôn vào năm 2006, hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Hà Tây (nay là TP Hà Nội) . Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn Đ, xã C, huyện T, TP Hà Nội. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, không tìm được tiếng nói chung, từ năm 2017 đến nay vợ chồng ly thân, ông H1 chuyển về Đà Nẵng sinh

sống, hiện nay cả hai không còn quan tâm đến nhau. Bà H2 xác định không còn tình cảm yêu thương ông H1 nữa, bà yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn với ông H1.

Về con chung: Bà và ông H1 có 02 con chung tên là Nguyễn Đào Ngọc Y, sinh ngày 28/01/2007 và Nguyễn Đào Ngọc K, sinh ngày 29/4/2010. Ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con Nguyễn Đào Ngọc Y và Nguyễn Đào Ngọc K cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Không yêu cầu ông Nguyễn Văn H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có

* Bị đơn ông Nguyễn Văn H1 trong suốt quá trình tố tụng đều vắng mặt nên không có ý kiến thể hiện hồ sơ.

* Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án gồm:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng về cơ bản Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS. Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền thụ lý vụ án, thời hiệu khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng theo quy định của BLTTDS.

- Việc thu thập chứng cứ: Về cơ bản việc thu thập chứng cứ đảm bảo theo đúng Điều 95 BLTTDS.

- Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho VKS và người tham gia tố tụng theo đúng quy định tại Điều 170, 171, 177, 178, 203, 205, 210 BLTTDS.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử Tòa án thực hiện đảm bảo theo quy định tại Điều 203 BLTTDS.

* Việc tuân theo pháp luật của HĐXX, Thư ký tại phiên tòa:

Tại phiên Tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện nguyên tắc xét xử, thủ tục phiên tòa sơ thẩm theo đúng quy định tại chương II, chương XIV BLTTDS. Thư ký được phân công đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 51 BLTTDS.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

Từ khi thụ lý cho đến thời điểm này, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS. Bị đơn không thực hiện đúng.

Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 83 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam; căn cứ Điều 35, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung của bà Đào Thị H đối với ông Nguyễn Văn H1.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Đào Thị H được ly hôn ông Nguyễn Văn H1.

- Về con chung: Đề nghị giao con Nguyễn Đào Ngọc Y, sinh ngày 28/01/2007 và Nguyễn Đào Ngọc K, sinh ngày 29/4/2010 cho bà Đào Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Văn H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Do ông H1 vắng mặt nên không xác định được có hay không tài sản chung nên tách ra giải quyết khi các bên đương có yêu cầu.

Nguyên đơn phải chịu án phí theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết, tranh chấp ly hôn và nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Đào Thị H có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án bà Đào Thị H và ông Nguyễn Văn H1 kết hôn với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, TP Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn Đ, xã C, huyện T, TP Hà Nội. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, không tìm được tiếng nói chung, từ năm 2017 đến nay vợ chồng ly thân, ông H1 chuyển về Đà Nẵng sinh sống, hiện nay cả hai không còn quan tâm đến nhau. Nay bà H xác định không còn tình cảm yêu thương ông H1 nữa, bà yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn với ông H1.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thực sự đạt được khi cả vợ chồng cùng có niềm tin và tình yêu, sự thông cảm và chia sẻ cùng nhau trong cuộc sống nhưng đến nay cả hai ông bà đã không còn giữ được

điều này. Trong thời gian mâu thuẫn từ 2017 đến nay vợ chồng cũng không tìm kiếm được tiếng nói chung, cũng như không có giải pháp để cùng nhau dung hòa mâu thuẫn cải thiện lại quan hệ vợ chồng đã chấm dứt từ lâu. Khi bà H nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn, Tòa án đã triệu tập nhiều lần để hòa giải nhưng ông H1 đều vắng mặt thể hiện ý thức ông không chấp hành pháp luật cũng như bỏ mặc việc níu kéo đối với chính cuộc hôn nhân của mình. Do đó thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã thật sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thấy có níu kéo cũng không đem lại kết quả gì nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông H1 là phù hợp với điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà H và ông H1 có 02 con chung tên là Nguyễn Đào Ngọc Y, sinh ngày 28/01/2007 và Nguyễn Đào Ngọc K, sinh ngày 29/4/2010. Ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con Nguyễn Đào Ngọc Y và Nguyễn Đào Ngọc K cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Không yêu cầu ông Nguyễn Văn H1 cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu xin được nuôi con của bà H thì thấy các cháu đang có cuộc sống sinh hoạt ổn định, thấy không nhất thiết phải thay đổi xáo trộn cuộc sống của các cháu, mặt khác cũng phù hợp với ý kiến, nguyện vọng của cả 2 cháu là muốn ở với mẹ, nên yêu cầu xin được nuôi con của bà H là phù hợp Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình nên HĐXX chấp nhận,

[5] Về tài sản chung và nợ chung bà H xác định không có, tuy nhiên tại phiên tòa do ông H1 vắng mặt nên không có cơ sở xác định vợ chồng có hay không tài sản chung nên HĐXX không đề cập xem xét, tách ra sau này các đương sự nếu có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000đ bà Đào Thị H phải chịu khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 0001603 ngày 19 tháng 01 năm 2024.

Xét đề nghị của vị đại diện viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, 228 BLTTDS.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" của bà Đào Thị H đối với ông Nguyễn Văn H1.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Đào Thị H được ly hôn ông Nguyễn Văn H1 (Giấy chứng nhận kết hôn số 115 quyển số 01 ngày 24/10/2006 của UBND xã C, huyện T, tỉnh Hà Tây (nay là TP Hà Nội) không còn hiệu lực).

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Đào Ngọc Y, sinh ngày 28/01/2007 và Nguyễn Đào Ngọc K, sinh ngày 29/4/2010 cho bà Đào Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Văn H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích chung của con các bên có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tách ra khi có yêu cầu thì giải quyết vụ án khác.

4. Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000đ bà Đào Thị H phải chịu khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 0001603 ngày 19 tháng 01 năm 2024.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Đương sự;
- Viện KSND quận Ngũ Hành Sơn; ĐN
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn; ĐN
- UBND xã Cao Viên, huyện Thanh Oai, HN
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Lương Thị Anh